

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/3/2018
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Kim Thị Ngọc Thu

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Vương Hoàng Phúc

2. Ông Nguyễn Văn Triệu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Sơn Thị Hồng Nhân, thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà L. T. M, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn:*** Ông N. V. Đ, sinh năm 1976 (vắng);

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

N. T. Đ, sinh năm 2004 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bà L. T. M là nguyên đơn trình bày: bà với ông N. V. Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa

Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do ông Đ thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện đánh đập bà, bà cố chịu đựng để lo cho gia đình, nhưng ông Đ không sửa đổi, đến năm 2016 ông Đ đi uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập bà, bà có trình báo chính quyền địa phương, nhưng ông Đ không sửa đổi và tiếp tục chửi mắng và xô đuổi bà ra khỏi nhà. Đến ngày 02/11/2017 bà phải đưa các con về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, xét thấy không thể hòa hợp được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ.

Về con chung: có 02 người con chung tên N. T. Đ, sinh ngày 25/3/2004 và N. N. T. T, sinh ngày 27/4/2014. Hiện đang sống với bà. Nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con cháu N. N. T. T, còn cháu Đạt nguyện vọng muốn theo ai do Đạt quyết định và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Do hai người tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2017 của N. T. Đ trình bày: em là con ruột của ông N. V. Đ và bà L. T. M, nếu cha mẹ ly hôn, em có nguyện vọng được sống với mẹ, vì cha của em là ông N. V. Đ mỗi khi đi uống rượu về đuổi, đánh hăm dọa mẹ em, làm cho em không học tập được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định;

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về hình thức: Bà L. T. M với ông N. V. Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, là hôn nhân tự nguyện. Nay phát sinh mâu thuẫn, bà L. T. M có đơn ly hôn với ông N. V. Đ. Xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà L. T. M và ông N. V. Đ kết hôn với nhau do M môi và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2003. Quá trình chung sống bà với ông Đ thời gian đầu sống có hạnh phúc, nhưng sau đó ông Đ thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập bà nhiều lần, bà có khuyên ông Đ nhiều lần. Đến năm 2016 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng, ông Đ đi uống rượu về chửi mắng và đánh đập bà, bà có trình báo chính quyền địa phương, nhưng ông Đ không sửa đổi mà còn tiếp tục xua đuổi bà, từ đó bà không thể chịu đựng được nữa nên dẫn các con về nhà cha mẹ ruột ở và ly thân từ tháng 11/2017, trong thời gian bà về nhà cha mẹ ruột ở, ông Đ không liên lạc và cũng không kêu bà và các con về nhà. Tại phiên tòa hôm nay bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Đối với ông N. V. Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông Đ đều cố tình vắng mặt. Thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà M. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà M, xử cho bà L. T. M được ly hôn với ông N. V. Đ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]*Về con chung*: Bà L. T. M với ông N. V. Đ có hai con chung. Nguyên vọng của bà M được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con, vì cháu N. N. T. T sinh ngày 27/4/2014, cháu còn nhỏ sống gần gũi với bà và bà trực tiếp chăm lo cho cháu nhiều hơn, cần phải có mẹ chăm sóc chu đáo hơn. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt em N. T. Đ, nhưng tại bản tự khai ngày 11/12/2017 em có nguyện vọng được sống với mẹ, vì cha của em là ông N. V. Đ mỗi khi đi uống rượu về đuổi, đánh hăm dọa mẹ em, làm cho em không học tập được.

Xét nguyện vọng của bà M là chính đáng, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu N. T. Đ (theo nguyện vọng của Đạt) và cháu N. N. T. T cho bà L. T. M được tiếp tục nuôi, buộc ông N. V. Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra.

[5] *Về nợ chung*: không có, nên không đặt ra giải quyết.

Bà L. T. M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Buộc ông N. V. Đ phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 58; Điều 107; Điều 110; Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. T. M.

1. Xử cho bà L. T. M được ly hôn với ông N. V. Đ.

2. Về con chung: Bà L. T. M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là N. T. Đ, sinh ngày 25/3/2004 (theo nguyện vọng của Đạt) và N. N. T. T, sinh ngày 27/4/2014, ông N. V. Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ khi án sơ thẩm tuyên. Ông N. V. Đ được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra.

3. Về án phí: Buộc bà L. T. M phải chịu nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp tại biên lai thu tiền số 0013653, ngày 17/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, nên bà M không phải nộp thêm.

Buộc ông N. V. Đ phải chịu nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND huyện Châu Thành.
- THADS huyện Châu Thành.
- UBND xã Phước Hào
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Ngọc Thu

